

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYỀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **158/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 24/07/2024

V/v tranh chấp về ly hôn, yêu cầu
không công nhận quan hệ cha, con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chương - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Phong
2. Bà Nguyễn Kim O

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 112/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/07/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc T; Sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tiểu khu M, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bông M; Sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện P, thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/05/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc T trình bày:**

Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị Bông M kết hôn với nhau từ năm 2011 là hôn nhân tự nguyện tiến bộ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P. Sau khi cưới vợ chồng anh chị về chung sống với nhau tại tiểu khu M, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến tháng 4/2015, do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng anh T sống ly thân. Đến

tháng 10/2015 anh T bị bắt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đi chấp hành án tại trại giam Nam Hà. Tháng 02/2023 anh T chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống tại tiểu khu M, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân bế tắc, vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không thể hàn gắn tình cảm được nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bông M.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 22/04/2013. Trong thời gian anh T đi chấp hành hình phạt tù (từ tháng 10/2015 đến tháng 02/2023), chị M đã có 02 con riêng với người đàn ông khác là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Phương O, sinh ngày 09/02/2019. Anh T đề nghị Tòa án xác nhận lại huyết thống cha con giữa anh T và cháu N, cháu O. Ly hôn anh T đề nghị nhận nuôi con chung với chị M là cháu V và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con riêng của chị M là cháu N và cháu O sẽ do chị M nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh T, chị M không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là chị Nguyễn Thị Bông M trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Bông M thống nhất với lời khai của anh Trần Quốc T về thời gian vợ chồng anh chị kết hôn, chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Chị M xác định đến nay tình cảm vợ chồng chị không còn, không thể hàn gắn với nhau được nữa, anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì chị đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T.

Về con chung: Giữa chị M và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 22/4/2013. Ly hôn, chị M đồng ý để anh T nuôi cháu V, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh T đi chấp hành hình phạt tù, chị M nảy sinh tình cảm với người đàn ông khác, sinh được 02 người con, đặt tên là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Phương O, sinh ngày 09/02/2019, Chị M đăng ký khai sinh cho hai cháu N và O là con chung của chị M và anh T vì các cháu sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị với anh T. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu N và cháu O theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M và anh T không có tài sản chung, công nợ chung nên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc T vẫn giữ quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bông M. Ly hôn, anh T đề nghị được nuôi con chung là cháu Văn V, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với các cháu: Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Phương O, sinh ngày 09/02/2019 là con riêng của chị M sẽ do chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T và chị M không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là chị Nguyễn Thị Bông M đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T. Về con chung: Chị đồng ý với yêu cầu của anh T xin được nuôi con chung là cháu Nguyễn Văn V. Đối với cháu Nguyễn Ngọc N và cháu Nguyễn Phương O đề nghị Tòa án giải

quyết theo quy định của pháp luật, nếu Tòa án xác định các cháu không phải là con chung của chị với anh T, chị sẽ có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Vợ chồng anh T, chị M mâu thuẫn trầm trọng, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay hai bên đương sự đều đồng ý ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị M; Về con chung: Con chung của anh T và chị M là cháu Nguyễn Văn V, do anh T và chị M đã thống nhất thỏa thuận ly hôn anh T nuôi cháu V và không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và giao cháu V cho anh T nuôi, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân của anh T, chị M do anh T đi chấp hành hình phạt tù nên chị M có 02 con riêng với người khác nhưng vẫn khai sinh là con chung với anh T đặt tên là Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Phương O. Căn cứ Kết luận giám định số HT329.24/PY - XNSH ngày 03/07/2024 của Viện pháp y Quân Đội kết luận anh Nguyễn Quốc T và cháu N, cháu O không có quan hệ huyết thống Cha - Con nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định anh T không phải là cha đẻ của cháu N, O, các cháu là con riêng của chị M; Về tài sản chung và công nợ chung: Giữa anh T và chị M không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, yêu cầu không công nhận quan hệ cha con bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Q, xã N, huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị Bông M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/09/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, thành phố Hà Nội. Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể chung sống với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án chị M thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 04/2015, tháng 10/2015 anh T bị bắt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đi chấp hành án tại trại giam Nam Hà. Tại phiên tòa, anh T, chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly

hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị M đã trầm trọng hai bên đã sống ly thân, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của anh chị sẽ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích của hôn nhân là có cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Quốc T với chị Nguyễn Thị Bông M.

[2] Về con chung: Trong thời gian kết hôn anh T và chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn V sinh ngày 22/4/2013, ly hôn anh T và chị M thống nhất thỏa thuận giao cháu V cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Trong thời gian anh T đi chấp hành hình phạt tù từ tháng 10/2015 đến tháng 02/2023, chị M đã có 02 con riêng với người đàn ông khác là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Phương O, sinh ngày 09/02/2019. Do con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T và chị M nên chị M vẫn khai sinh cho các cháu N, O là con chung của vợ chồng anh T, chị M.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Quốc T yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định để xác định quan hệ huyết thống giữa anh T với các cháu N, O. Tại bản Kết luận giám định số HT329.24/PY – XNSH ngày 03/07/2024 của Viện pháp y Quân Đội kết luận anh Nguyễn Quốc T và cháu N, cháu O không có quan hệ huyết thống Cha - Con. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của anh T về việc xác định anh T không phải là cha đẻ của các cháu N, O. Cháu N và cháu O là con riêng của chị Nguyễn Thị Bông M.

[3] Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Anh T và chị M có lời khai thống nhất về việc vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về chi phí giám định ADN để xác định quan hệ cha con giữa anh T với cháu N, cháu O là 8.000.000 đồng, anh T tự nguyện nộp và không có yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các điều 51, 56, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 88, 89 Luật Hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 và khoản 6 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T được ly hôn chị Nguyễn Thị Bông M.

2. Về con chung: Giao con chung của anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị Bông M là cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 22/4/2013 cho anh Nguyễn Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Nguyễn Thị Bông M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Xác định anh Nguyễn Quốc T không phải là cha đẻ của các cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Phương O, sinh ngày 09/02/2019. Cháu N và cháu O là con riêng của chị Nguyễn Thị Bông M.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị Bông M có lời khai thống nhất về việc anh chị không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí, chi phí giám định:

Anh Nguyễn Quốc T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015463 ngày 09/05/2024. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Quốc T tự nguyện nộp chi phí giám định ADN là 8.000.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị Bông M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. P;
- Chi cục thi hành án dân sự H. P;
- UBND xã M, H. P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Văn Chương